TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-3-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Ông Vũ Văn Thắng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Mạnh Cường**

2. Ông **Nguyễn Hữu Anh**

- *Thư ký phiên toà*: Ông **Đỗ Trọng Tú** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa:* Ông **Hoàng Liên Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/01/2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị Đ - sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. ***Bị đơn***: Anh Bùi Văn B - sinh năm 1985; cư trú tại: Khu 11, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 17/10/2017 và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị Đ và anh Bùi Văn B tự nguyện kết hôn với nhau 09/02/2009, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau

khi kết hôn, vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ của anh B tại xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ được 02 năm, thì vợ chồng chuyển đến ở cùng nhà bố mẹ đẻ chị Đ tại thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh B không chịu khó lao động, hạm chơi bài bạc, có quan hệ với người phụ nữ khác và không quan tâm đến gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng anh B không thay đổi. Từ tháng 01/2014 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Văn B.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã báo gọi nhiều lần, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo trên báo Công lý và Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam nhưng bị đơn là anh Bùi Văn B không hợp tác và không có mặt, nên Tòa án không thu thập được quan điểm của anh B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ trình bày vợ chồng có 02 con chung là Bùi Ngọc P - sinh ngày 29/7/2010, Bùi Thúy A - sinh ngày 01/12/2012. Các con chung sống cùng với chị Đ kể từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nếu ly hôn, chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, xác định:

Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không nghiêm túc chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt không có lý do, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Bùi Văn B.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Ngọc P - sinh ngày 29/7/2010 và Bùi Thúy A - sinh ngày 01/12/2012 kể từ tháng 3/2018 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Đ không yêu cầu.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Bùi Văn B đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa cho thấy mâu thẫn vợ chồng phát sinh do anh B không chịu khó lao động, ham chơi bài bạc, không quan tâm đến vợ con và từ tháng 01/2014 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu ly hôn anh Bùi Văn B là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. Về con chung: Con chung là Bùi Ngọc P đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng muốn được sống cùng chị Nguyễn Thị Đ và trong thực tế, chị Đ đã trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, bảo đảm cho con chung có cuộc sống sinh hoạt, học tập tốt. Còn anh B trong suốt thời gian dài vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc đến con chung. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là 02 con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng và anh Bùi Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị Đ không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Do chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu nên phải chịu lệ phí thông báo tổng cộng là 2.883.000đồng.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147; Khoản 2 Điều 180; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Bùi Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Ngọc P - sinh ngày 29/7/2010 và Bùi Thúy A - sinh ngày 01/12/2012 cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3/2018 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.1 Anh Bùi Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Đ không yêu cầu.

2.2 Anh Bùi Văn B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu số tiền 2.883.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị Đài đã nộp là 2.883.000đồng, chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ lệ phí.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0002715 ngày 07/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Đ có mặt được quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh Bùi Văn B vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho anh Bình hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Đồng Lương;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Thắng